

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/DS-ST
Ngày 06-7-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2022/TLST-DS ngày 24/02/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-DS ngày 27/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Chí D, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 25/2 đường ĐX139, tổ 1, khu phố 2, phường T, thành phố M, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Doan N, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 1358/5 (số cũ 30/40) Đại Lộ Bình Dương, tổ 40, khu phố 5, phường Đ, thành phố M, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2021, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Đỗ Chí D trình bày: Do quen biết nên ông D cho bà N vay tiền nhiều lần để làm vốn làm ăn, các lần vay cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 18/11/2019, bà N vay số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 05 tháng tính từ ngày vay tiền.

- Lần 2: Ngày 29/12/2019, bà N vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay đến ngày 30/10/2020 sẽ trả gốc và lãi.

- Lần 3: Ngày 22/02/2020, bà N vay số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay đến ngày 22/6/2020 sẽ trả gốc và lãi.

Tuy nhiên, từ khi vay tiền đến nay, bà N không thanh toán được bất kỳ khoản lãi nào theo thoả thuận giữa 2 bên. Đối với tiền nợ gốc bà N đã trả được 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) vào các ngày 15/12/2020; 15/01/2021; 15/01/2021 và 15/3/2021, còn nợ lại 16.000.000 đồng. Ông D đã nhiều lần liên hệ và yêu cầu bà N trả số tiền nợ gốc còn lại là 16.000.000 đồng nhưng bà N cố tình né tránh và không trả nợ.

Do đó, ông D khởi kiện yêu cầu bà N trả tiền nợ gốc 16.000.000 đồng và tiền lãi suất theo thoả thuận là $1,5\%/tháng \times 24 \text{ tháng} = 5.760.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng là 21.760.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2022, ông Dũng thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông D chỉ yêu cầu bà N trả tiền nợ gốc 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng), không yêu cầu giải quyết đối với giấy nợ ngày 18/11/2019. Đồng thời ông D yêu cầu tính lãi suất $1,5\%/tháng$ kể từ ngày 31/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính 20 tháng 06 ngày $\times 11.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/tháng = 3.333.000 \text{ đồng}$.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 giấy mượn tiền ngày 18/11/2019; 01 giấy mượn tiền ngày 29/12/2019 và 01 giấy mượn tiền ngày 22/02/2020.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Trần Thị Đoan N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 27/5/2022 và tham gia phiên tòa vào các ngày 17/6/2022 và ngày 06/7/2022 nhưng bà N không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Đỗ Chí D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Trần Thị Đoan N đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bà N vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn xác định đã cho bà Trần Thị Đoan N vay tiền nhiều lần, tổng cộng 20.000.000 đồng thể hiện tại các giấy mượn tiền: Ngày 18/11/2019, vay số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), lãi suất $1,5\%/tháng$, thời hạn vay 05 tháng tính từ ngày vay tiền. Ngày 29/12/2019, vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), lãi suất $1,5\%/tháng$, thời hạn vay đến ngày 30/10/2020 sẽ trả gốc và

lãi. Ngày 22/02/2020, vay số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay đến ngày 22/6/2020 sẽ trả gốc và lãi. Quá trình vay tiền, nguyên đơn xác định bà Trần Thị Đoan N đã trả được 4.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ lại 16.000.000 đồng, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông D thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông D chỉ yêu cầu bà N trả tiền nợ gốc 11.000.000 đồng, không yêu cầu giải quyết đối với giấy nợ ngày 18/11/2019. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 5 Bộ Luật Tố tụng Dân sự và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp lời khai và chứng cứ chứng minh bị đơn không vay tiền hoặc đã thanh toán, xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và nợ gốc khi đến hạn, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc 11.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn tính từ ngày 31/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 20 tháng 06 ngày, xét thấy: Theo 03 giấy mượn tiền nguyên đơn cung cấp thể hiện lãi suất các bên thoả thuận là 1,5%/tháng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật Dân sự thì “lãi suất vay do các bên thoả thuận. Trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất thì lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay....”. Như vậy, lãi suất 20%/năm tương đương 1,66%/tháng. Do đó, nguyên đơn và bị đơn thoả thuận lãi suất 1,5%/tháng là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận, bị đơn phải trả cho nguyên đơn 3.333.000 đồng tiền lãi.

[3] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 357, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Chí D đối với bị đơn bà Trần Thị Đoan N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Trần Thị Đoan N phải thanh toán cho ông Đỗ Chí D số tiền 11.333.000 đồng (mười một triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng), trong đó: Nợ gốc 11.000.000 đồng và tiền lãi 3.333.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Đoan N phải nộp 566.650 đồng (năm trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi đồng). Trả lại cho ông Đỗ Chí D 544.000 đồng (năm trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000931, ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố M, tỉnh B.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh B
- VKSND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên